

# PHẦN I

*KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI  
TỪ NĂM 1698 ĐẾN KHI HÌNH THÀNH TỈNH ĐỒNG NAI  
HIỆN NAY. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA TRUYỀN  
THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC Ở ĐỒNG NAI.*



## **KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TỪ NĂM 1698 ĐẾN KHI HÌNH THÀNH TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY**

### **1. Trước năm 1698**

Từ cuối thế kỷ XVI trở về trước, trên danh nghĩa, Đồng Nai là một vùng đất thuộc vương quốc Chân Lạp, nhưng “thuộc” một cách lỏng lẻo. Đây là một vùng đất rộng, một số các dân tộc sinh sống lâu đời như: Stiêng, Mạ, Cơ ho, Mnông, Chơ-ro và một ít người Khme. Các dân tộc vẫn sống tự do, chưa hợp thành đơn vị hành chính. Trên thực tế, đây là một vùng đất tự do của các dân tộc, là vùng đất hoang nhàn cả về kinh tế lẫn chủ quyền.

Từ cuối thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVII, vùng đất Đồng Nai xuất hiện những di dân Việt từ miền Đàng Ngoài đến khai khẩn, sinh sống. Tiến trình nhập cư của lưu dân Việt diễn ra liên tục trong suốt thế kỷ XVII. Trên cơ sở lưu dân Việt sinh sống, chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã thiết lập sở thu thuế tại PreiKor (tức thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay).

Sau này, một bộ phận người Hoa đến sinh sống. Sự có mặt của người Hoa được sử sách chép với mốc thời gian định vị rõ ràng: Tháng 5 năm Kỷ Vĩ (1679), Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch, bày tôi nhà Minh, không phục nhà Thanh đã dẫn 3.000 người với 50 chiếc thuyền nhập cửa biển Tư Dung, xin định cư ở nước ta. Chúa Nguyễn chấp thuận cho vào đất Đông Phố. Nhóm Long Môn của

Dương Ngạn Địch theo cửa Đại, cửa Tiểu đến định cư tại Mỹ Tho. Nhóm Cao, Lô, Liêm của Trần Thượng Xuyên theo cửa biển cần Giờ đến sinh sống ở xứ bàn lân (tức Biên Hòa ngày nay).

Như vậy, cho đến cuối thế kỷ XVII, vùng đất Đồng Nai có thêm người Việt, người Hoa đến khai khẩn, cư trú. Tại đây, lưu dân Việt, Hoa đã tiến hành khai phá và nhanh chóng biến nơi đây trở thành vùng đất trù phú. Các chúa Nguyễn đã thiết lập được ảnh hưởng tại đây bằng cách hình thành những cơ sở quyền lực là các đồn thu thuế, nắm được tình hình dân chúng. Đây là những cơ sở đầu tiên để vào thời điểm năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu tiến hành việc đặt vùng Đồng Nai vào sự quản lý chính thức của xứ Đàng Trong.

### **2. Thời các chúa Nguyễn (1698 - 1802)**

Năm Mậu Dần (1698), Chương cơ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vâng mệnh chúa Nguyễn Phúc Chu kinh lược vào vùng đất phương Nam (hiểu là cả

vùng Nam Bộ bấy giờ). Sách Gia Định thành thông chí cho biết: “Mùa xuân năm thứ 8, Mậu Dần (1698), thời Hiến tông Hiếu Minh hoàng đế (Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu),... triều đình sai Thống suất Chưởng cơ Lễ Thành hầu họ Nguyễn Hữu Cảnh) sang kinh lược đất Cao Miên, ông lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập đất Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng nên dinh Trấn Biên, lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh lập ra chức Lưu thủ, Cai bạ và Ký lục để cai trị. Về vệ thuộc thì có 2 ty Xá, Lại để làm việc, quân binh thì có tinh binh cơ đội thuyền thủy bộ và thuộc binh để hộ vệ. Ngàn dặm đất đai, dân hơn 4 vạn hộ, chiêu mộ lưu dân từ châu Bộ Chính đến lập nghiệp, lập ra thôn, xã, phường, ấp, phân định địa giới, ruộng đất, lập ra tô thuế, xây dựng dinh điền, bạ tịch. Con cháu người Hoa nếu ở nơi Trấn Biên được quy lập thành xã Thanh Hà, còn ở Phiên Trấn thì lập thành xã Minh Hương, rồi cho phép vào hộ tịch”.

Với việc phân chia địa giới, cử người đặt chức trông coi, định mức thuế tô dung, làm sổ đình điền, tổ chức quân binh... Nguyễn Hữu Cảnh thiết lập bộ máy quản lý hành chính đầu tiên ở Nam Bộ. Người Việt từ chỗ là lưu dân và các tộc người khác trở thành thần dân, đặt dưới sự quản lý của chúa Nguyễn.

Vùng đất Đồng Nai có tên gọi là dinh Trấn Biên thuộc huyện Phước Long, phủ Gia Định. Dinh là trại quan quân. Huyện Phước Long có địa giới được ước định khá rộng thuộc miền Đông Nam Bộ ngày nay, gồm: Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu và một phần Bình Thuận; một phần Thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm quận 2, quận 9, quận Thủ Đức). Lúc này, dân số của cả phủ Gia Định hơn 40.000 người.

Vào giữa thế kỷ XVIII, cả vùng đất Nam Bộ được chia làm 03 dinh, 01 trấn; gồm: dinh Trấn Biên, dinh Phiên Trấn, dinh Long Hồ và trấn Hà Tiên. Năm 1776, sau khi đánh bại chúa Nguyễn, Đông Định Vương Nguyễn Lữ đổi dinh Trấn Biên thành Biên Trấn. Năm 1788, chiếm lại được toàn Nam Bộ, Nguyễn Ánh chia đất Gia Định làm 5 dinh: Trấn Biên, Phiên Trấn, Vĩnh Trấn, Trấn Định, Hà Tiên.

### 3. Thời các vua Nguyễn (1802 - 1861)

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi, lấy niên hiệu là Gia Long. Năm 1808, Gia Long sắp đặt lại hành chính vùng đất Nam Bộ. Theo đó, phủ Gia Định được gọi là Thành Gia Định. Các dinh trước đây đổi thành trấn trực thuộc Thành Gia Định. Dinh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa. Huyện Phước Long nâng lên thành phủ. Bốn tổng của huyện Phước Long là Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An được nâng thành 04 huyện. Huyện Phước Chánh gồm 2 tổng

là Phước Vinh, Chánh Mỹ, có 85 thôn. Huyện Bình An gồm 2 tổng Bình Chánh, An Thủy, có 119 thôn, xã, phường). Huyện Long Thành gồm 2 tổng Long Vĩnh, Thành Tuy, có 63 thôn, phường. Huyện Phước An gồm 2 tổng An Phú, Phước Hưng, có 43 thôn, phường.

Năm 1820, hoàng tử Đảm lên ngôi vua, lấy niên hiệu Minh Mạng. Năm 1821, Minh Mạng thực hiện xếp đặt một số đơn vị hành chính. Tuỳ theo diện tích và dân số của mỗi huyện mà tăng số tổng lên khác nhau.

Chẳng hạn, hai tổng của huyện Phước Chánh là Phước Vinh, Chánh Mỹ được chia thành 6 tổng là: Phước Vinh Thượng, Phước Vinh Trung, Phước Vinh Hạ, Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, có 101 thôn, xã. Hai tổng Bình Chánh, An Thủy của huyện Bình An chia làm 8 tổng là: Bình Chánh Thượng, Bình Chánh Hạ, Bình Chánh Trung, Bình Chánh Tây, An Thủy Thượng, An Thủy Trung, An Thủy Hạ, An Thủy Đông, có 89 xã, thôn ấp.

Hai tổng Long Vĩnh, Thành Tuy của huyện Long Thành được chia làm 4 tổng là: Long Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy Thượng, Thành Tuy, có 53 ấp, thôn, xã. Hai tổng An Phú, Phước Hưng của huyện Phước An được chia thành 4 tổng là: An Phú Thượng, An Phú Hạ, Phước Hưng Thượng, Phước Hưng Hạ, có 42 xã, thôn, phường.





#### 4. Thời kỳ thuộc Pháp (1861 - 1945)

Tháng 12, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tiến đánh thành Biên Hòa. Ngày 18/12/1861, thành Biên Hòa rơi vào tay quân Pháp. Quân Pháp vẫn sử dụng địa giới phân chia tỉnh của triều Nguyễn có từ năm 1832.

Năm 1862, theo Hòa ước Nhâm Tuất (ngày 9/5) ký giữa triều đình Huế và Pháp, tỉnh Biên Hòa cùng với tỉnh Gia Định, Định Tường là thuộc địa của Pháp. Quân Pháp vẫn giữ nguyên cơ cấu hành chính Biên Hòa cho đến năm 1863. Tỉnh Biên Hòa vẫn còn 2 phủ Phước Long, Phước Tuy và 4 huyện là Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An.

Năm 1864, ba tỉnh miền Đông Nam Bộ bị Pháp chia làm 7 tiểu khu chỉ huy. Tỉnh Biên Hòa chia thành 2 tiểu khu là Biên Hòa và Bà Rịa. Đến năm 1865, Pháp chia 03 tỉnh miền Đông Nam Bộ thành 13 sở Tham Biện (sở Thanh Tra). Tỉnh Biên Hòa được chia thành 5 sở, gồm: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Long Thành, Bảo Chánh. Năm 1866, Pháp chia 03 tỉnh miền Đông Nam Bộ thành 13 địa hạt. Tỉnh Biên Hòa chia làm 6 địa hạt, gồm: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Thành, Thủ Đức và Bảo Chánh.

Năm 1867, sau khi chiếm trọn 6 tỉnh Nam Kỳ, Pháp chia địa bàn Nam Kỳ thành 24 địa hạt Thanh Tra. Tỉnh Biên Hòa chia ra 5 địa hạt, gồm: Biên Hòa (gồm địa bàn châu thành Biên Hòa, huyện Phước Chánh và huyện Long Khánh trước đây; có 6 tổng 100 làng), Bà Rịa (gồm địa bàn Châu Thành Bà Rịa và huyện Phước An trước đây, có 7 tổng 57 làng), Bình An (gồm địa bàn châu thành Thủ Dầu Một và huyện Bình An trước đây, có 7 tổng 71 làng), Long Thành (gồm địa bàn châu thành Long Thành và huyện

Long Thành trước đây, có 10 tổng 105 làng), Ngãi An (gồm địa bàn châu thành Thủ Đức và huyện Ngãi An trước đây, có 4 tổng 35 làng). Sau, các hạt Thanh Tra đổi tên thành Tham Biện. Nơi trị sở gọi là Toà Tham Biện; người Việt quen gọi Toà Bó. Ngày 29 tháng 10 năm 1868, Thống đốc Nam Kỳ xoá bỏ Toà Tham Biện Thủ Đức, nhập địa hạt vào toà Tham Biện Sài Gòn. Địa bàn Thủ Đức tách hẳn khỏi Biên Hòa.

Từ năm 1871, Thống đốc Nam Kỳ xoá bỏ Toà Tham Biện Long Thành, thực hiện việc sáp nhập một số địa hạt. Tỉnh Biên Hòa còn 3 sở Tham Biện là: Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một. Ngày 5 tháng 1 năm 1876, Thống đốc Nam Kỳ chia lãnh thổ Nam Kỳ thành 4 khu vực hành chính, mỗi khu vực có một số tiểu khu, địa giới tương đương với một phủ hay một huyện thời Nguyễn, có một số

tổng và một số làng. Tỉnh Biên Hòa chia thành 3 tiểu khu, gồm: Biên Hòa (đất huyện Phước Chánh và huyện Long Thành trước đây), Thủ Dầu Một (đất phủ Phước Long, huyện Bình An trước đây), Bà Rịa (đất phủ Phước Tuy, huyện Phước An và huyện Long Khánh trước đây) thuộc về khu vực I Sài Gòn.

Năm 1881, tỉnh Biên Hòa có 9 tổng, 121 làng. Năm 1887, cả Nam Kỳ có 22 sở Tham Biện, trong đó, tỉnh Biên Hòa có 4 sở Tham Biện, gồm: Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu, Cap Saint ' Jacques (Vũng Tàu - còn gọi là 0 cấp được tách ra từ Bà Rịa).

Ngày 12/01/1888, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định xoá bỏ Tiểu khu hành chính Thủ Dầu Một, nhập phần đất vào Tiểu khu hành chính Biên Hòa. Đến ngày 19 tháng 12 năm 1892, Tiểu khu hành chính Thủ Dầu Một được thành lập lại.

Ngày 01/5/1895, Thống đốc Nam Kỳ ra Nghị định tách thị xã Cap Saint - Jacques (Vũng Tàu) khỏi Tiểu khu hành chính Bà Rịa, lập thành thành phố tự trị. Năm 1897, tỉnh Biên Hòa có 14 tổng, 170 làng.

Ngày 20/01/1898, thành phố tự trị Cap Saint - Jacques (Vũng Tàu) được nhập lại với Bà Rịa, gọi chung là khu Cap St - Jacques. Sau một năm, khu Cap Saint Jacques đổi thành tổng được một thời gian ngắn, lại tách Bà Rịa và Cap Saint - Jacques thành 2 đơn vị hành chính độc lập.

Năm 1899, chính quyền thuộc địa Pháp có sự thay đổi lớn về sắp xếp các đơn vị hành chính. Ngày 1 tháng 11, Pháp lập sở Tham Biện Đồng Nai Thượng (Haut Donnai). Một phần đất vùng Định Quán của Biên Hòa bị cắt nhập vào Đồng Nai Thượng (năm 1901, tỉnh Đồng Nai Thượng bị bãi bỏ, nhập vào tỉnh Bình Thuận. Đến năm 1920, tỉnh Đồng Nai Thượng được lập lại).

Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định đổi các địa hạt Tham biện ở Nam Kỳ thành tỉnh. Tỉnh Biên Hòa thành lập trên cơ sở địa hạt Biên Hòa, do một viên Tham Biện cai trị, gọi là chủ tỉnh.

Năm 1901, tỉnh ly Biên Hòa đặt tại xã Bình Trước (tức thành phố Biên Hòa ngày nay), gồm 15 tổng, 151 làng. Toàn tỉnh có diện tích trồng lúa là 26.373 ha; hệ thống đường bộ có chiều dài 399,2 km (quốc lộ 52,1 km, tỉnh lộ 100,3 km, hương lộ 264,8 km, đường cán đá 156,7 km, đường đất 242,5 km); tổng chiều dài các cầu là 1.832 m. Có 98 địa điểm khai thác đá xanh, 150 điểm khai thác đá ong, 17 lò gạch, 21 lò rèn, 80 trại cưa gỗ, 4 trại đóng ghe, 9 khu rừng cấm.

Năm 1903, Toàn quyền Đông Dương thành lập quận Chứa Chan gồm 4 tổng người dân tộc thiểu số ở tỉnh Biên Hòa. Quận trưởng là một viên Kiểm lâm người Pháp.

Năm 1912, quận Xuân Lộc được thành lập, gồm 3 tổng: Bình Lâm Thượng, Phước Thành, An Viễn.

Năm 1924, tỉnh Biên Hòa có 17 tổng, 172 làng. Mạng lưới giao thông đường sá dài 713,5 km (trong đó quốc lộ chiếm 151,6 km, tỉnh lộ 287,8 km, hương lộ 278,1 km, đường rải nhựa 161,8 km, đường cán đá 405,7 km, đường đất 146 km). Tổng chiều dài các cầu là 3.541 m (cầu sắt 931m, cầu gỗ 2.610m).

Năm 1925, quận Chứa Chan bị bãi bỏ, thành lập 02 quận Phú Riêng và Võ Đắc ở tỉnh Biên Hòa.

Năm 1927, quận lỵ Phú Riêng chuyển về Bù Khoai và đổi tên là quận Sông Bé, quận lỵ Võ Đắc chuyển về Xuân Lộc và đổi tên là quận Xuân Lộc; lập quận Đồng Nai, lỵ sở đặt tại Thanh Sơn. Tỉnh trưởng Biên Hòa là Pierre Marty.

Năm 1928, thành lập quận Châu Thành ở tỉnh lỵ Bình Trước và quận Tân Uyên với trị sở tại chợ Tân Uyên.

Năm 1936, tỉnh Biên Hòa có diện tích là 11.044 km<sup>2</sup>.

Năm 1939, tỉnh Biên Hòa có 5 quận với 16 tổng, 119 xã; gồm: quận Châu Thành (3 tổng: Chánh Mỹ Thượng, Phước Vinh Trung, Phước Vinh Thượng); quận Long Thành (3 tổng: Long Vĩnh Thượng, Thành Tuy Thượng, Thành Tuy Hạ); quận Xuân Lộc (4 tổng: Bình Lâm Thượng, An Viễn, Tập Phước, Phước Thành); quận Tân Uyên (3 tổng Phước Vinh Hạ, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ) và quận núi Bà Rá (4 tổng: Bình Cách, Thuận Lợi, Tân Thuận, Bình Tuy). Diện tích là 11.234 km<sup>2</sup>, trong đó diện tích trồng lúa là 44.200 ha. Dân số có 166.000 người với mật độ trung bình 14 người trên 1 km<sup>2</sup>

Năm 1943, dân số tỉnh Biên Hòa là 183.000 người, trong đó người Việt 139.000 người, người Hoa 3.000 người, người Pháp 580 người, dân tộc thiểu số chiếm 40.000 người.

### **5. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)**

Tháng Tám năm 1945, chính quyền về tay nhân dân. Toàn bộ tỉnh Biên Hòa được chính quyền Việt Minh tiếp quản trên cơ cấu hành chính trước đó. Tỉnh lỵ là quận Châu Thành, thị xã Biên Hòa.



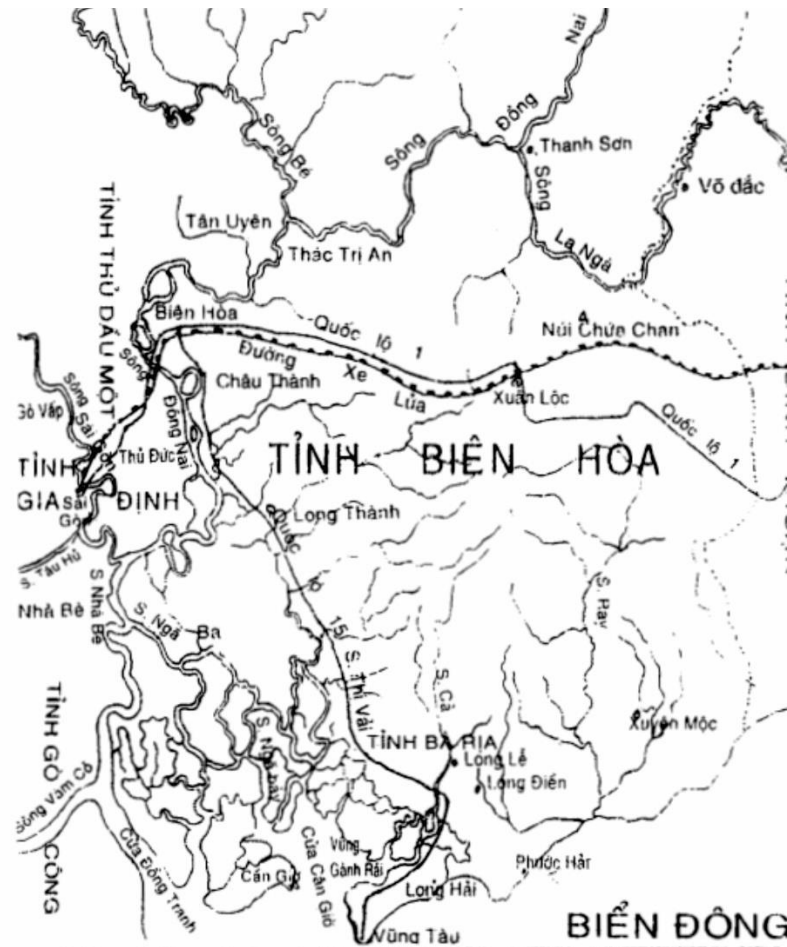
Năm 1946, sau những ngày độc lập ngắn ngủi, tỉnh Biên Hòa bị quân Pháp chiếm đóng; đặc biệt là các vùng thị xã, thị trấn, về mặt hành chính, thực dân Pháp vẫn giữ nguyên cơ cấu trước năm 1945.

Năm 1947, về phía cách mạng, chính quyền rút về hoạt động vùng Tân Uyên. Được sự chấp thuận của Ủy Ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ, tỉnh Biên Hòa thành lập quận Sông Bé ở phía Đông và Đông Bắc Chiến khu Đ.

Năm 1948, trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, Ủy Ban Kháng chiến hành chính Nam Bộ chia quận Châu Thành ra gồm 02 đơn vị: thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu.

Năm 1951, chính quyền cách mạng nhập 02 tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một thành tỉnh Thủ Biên. Tỉnh Thủ Biên thuộc Phân Liên Khu miền Đông, gồm 7 huyện: Hớn Quản, Lái Thiêu, Bến Cát, Thủ Đức, Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, huyện căn cứ Đồng Nai và 2 thị xã Biên Hòa, Thủ Dầu Một. Huyện Long Thành của tỉnh Biên Hòa nhập vào tỉnh Bà - Chợ (Bà Rịa và Chợ Lớn hợp thành Bà Chợ).

Đối với chính quyền thực dân, tỉnh Biên Hòa vẫn giữ nguyên cơ cấu như giai đoạn trước. Trong năm 1951, chính quyền thuộc địa, Pháp đổi quận Bà Rịa thành quận Sông Bé, cắt chuyển vào tỉnh Thủ Dầu Một.



*Tỉnh Biên Hòa thời thuộc Pháp*

## 6. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)

Tỉnh Thủ Biên thành lập năm 1951 tồn tại cho đến tháng 4/1955. Chính quyền cách mạng tách tỉnh Thủ Biên thành 02 tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một như trước năm 1951. Tỉnh Biên Hòa và tồn tại cho đến tháng 9/1960.

Năm 1960, chính quyền cách mạng thành lập tỉnh Long Khánh trên cơ sở tách một phần từ tỉnh Biên Hòa. Địa giới của tỉnh Long Khánh tương ứng địa giới của chính quyền Sài Gòn thành lập vào năm 1957, gồm phần đất Xuân Lộc và Định Quán (bao gồm cả huyện Tân Phú ngày nay). Từ tháng 9/1960, chính quyền cách mạng thành lập lại tỉnh Thủ Biên trên cơ sở sáp nhập 02 tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa.

Từ tháng 7/1961, chính quyền cách mạng chia tách tỉnh Thủ Biên thành tỉnh: Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Phước Thành. Địa giới tỉnh Phước Thành tương ứng với tỉnh Phước Thành mà chính quyền Sài Gòn thành lập vào năm 1959, gồm: 2 tổng Chánh Mỹ Hạ, An Phước Hạ của quận Tân Uyên và một phần đất quận Định Quán thuộc tỉnh Long Khánh.

Tháng 3/1963, chính quyền cách mạng hợp nhất 3 tỉnh Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh thành tỉnh Bà Biên. Tỉnh Bà Biên tồn tại cho đến tháng 12/1963.

Từ tháng 12/1964, chính quyền cách mạng chia tỉnh Bà Biên thành 3 tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa và Long Khánh như năm 1963.

Năm 1965, chính quyền cách mạng chia tách tỉnh Biên Hòa thành 2 đơn vị hành chính là Biên Hòa U1 (gồm thị xã Biên Hòa) trực thuộc Trung ương Cục miền Nam; tỉnh Biên Hòa nông thôn (gồm các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, khu vực Trảng Bom).

Tháng 10/1966, chính quyền cách mạng sáp nhập 02 tỉnh Bà Rịa và Long Khánh thành tỉnh Bà Rịa - Long Khánh. Tỉnh Bà Rịa - Long Khánh tồn tại cho đến tháng 5/1971. Đồng thời, thành lập huyện Trảng Bom của tỉnh Biên Hòa nông thôn.

Tháng 10/1967, chuẩn bị chiến trường cho cuộc Tổng công kích và nổi dậy xuân Mậu Thân, chính quyền cách mạng bố trí các đơn vị hành chính như sau: sáp nhập 2 huyện Vĩnh Cửu và Trảng Bom của tỉnh Biên Hòa nông thôn vào tỉnh Biên Hòa U1; thành lập Phân khu 4 gồm các địa bàn: Long Thành, Nhơn Trạch, một số sở cao su Bình Sơn, Siph và một số xã phía Nam huyện Thủ Đức (nay thuộc địa phận quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh).

Từ tháng 5/1971, Bộ Chỉ huy Miền bố trí lại chiến trường. Thành lập Phân khu Thủ Biên trên cơ sở sáp nhập Phân khu 5 (địa bàn Thủ Dầu Một) với tỉnh Biên Hòa U1; thành lập Phân khu Bà Rịa - Long Khánh trên cơ sở sáp nhập tỉnh Bà Rịa - Long Khánh với Phân khu 4. Phân khu Bà Rịa - Long Khánh gồm 3 thị xã: Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu và 9 huyện (Xuân Lộc/gồm cả vùng Định Quán, Long Thành, Nhơn Trạch, Châu Đức/ Châu Thành và Đức Thạnh, Long Đất/ Long Điền và Đất Đỏ, Xuyên Mộc, Cao Su, Thủ Đức, Duyên Hải /cần Giờ). Các phân khu này tồn tại cho đến tháng 10/1972.

Từ tháng 10/1972, chính quyền cách mạng giải thể các phân khu và thành lập lại đơn vị hành chính cấp tỉnh. Tỉnh Biên Hòa gồm Biên Hòa nông thôn và Biên Hòa U1; tỉnh Bà Rịa - Long Khánh với địa giới như thời kỳ từ tháng 10/1966 đến tháng 5/1971.

Tháng 6/1973, chính quyền cách mạng chia tỉnh Biên Hòa thành 2 đơn vị hành chính: Thành phố Biên Hòa trên cơ sở thị xã Biên Hòa; tỉnh Biên Hòa nông thôn, gồm các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Thống Nhất, Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Cần Giờ.

Tháng 10/1973, Bộ Chỉ huy Miền thành lập tỉnh căn cứ Tân Phú gồm các huyện Tân Uyên (tỉnh Biên Hòa nông thôn), huyện Định Quán (tỉnh Bà Rịa - Long Khánh), huyện Độc Lập (bao gồm vùng Bù Cháp, Lý Lịch) và huyện Phú Giáo (địa bàn thuộc tỉnh Bình Dương ngày nay). Toàn tỉnh có 27 xã với số dân 22.000 người. Hai huyện Tân Uyên, Phú Giáo nằm trên trục lộ 14, 16 thuộc vùng tranh chấp giữa chính quyền cách mạng và chính quyền Sài Gòn. Cả 02 huyện đều giáp với huyện Độc Lập, ở giữa là căn cứ giải phóng.

Từ năm 1973 đến tháng 4/1975, địa bàn Biên Hòa - Đồng Nai gồm các đơn vị hành chính sau: tỉnh Biên Hòa nông thôn, Biên Hòa đô thị, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh và tỉnh Tân Phú.

Năm 1975, sau khi hoàn toàn giải phóng, Trung ương Cục thành lập các Ban quân quản các địa bàn, gồm: tỉnh Biên Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Bà Rịa - Long Khánh, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Tân Phú.

Đối với chính quyền Sài Gòn, năm 1956, đã thực hiện cuộc cải cách hành chính khắp toàn miền Nam. Ngày 22/10/1956, chính quyền Sài Gòn ra sắc lệnh số 143 NV để: “thay đổi địa giới và tên Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn cùng các tỉnh và tỉnh lỵ tại Việt Nam”. Địa giới và địa danh các tỉnh ở miền Nam thay đổi nhiều, một số tỉnh mới được thành lập.

Ngày 03/01/1957, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định thành lập đơn vị hành chính tỉnh Phước Tuy trên cơ sở hợp nhất 2 tỉnh Bà Rịa và Vũng Tàu. Tỉnh lỵ Phước Tuy đặt tại Phước Lễ. Toàn tỉnh có 6 quận, gồm: Châu Thành, Xuyên Mộc, Long Điền, Đất Đỏ, Vũng Tàu, Cần Giờ. Tỉnh Phước Tuy tồn tại cho đến năm 1960 có những thay đổi ngày 20/3/1958 bãi bỏ quận Đất Đỏ nhập vào quận Long Điền; ngày 29/1/1959 thành lập quận Quảng Xuyên trên cơ sở phần đất phía Bắc quận cần Giờ.

Ngày 24/4/1957, chính quyền Sài Gòn tách quận Xuân Lộc thuộc địa bàn tỉnh Biên Hòa thành lập tỉnh Long Khánh. Tỉnh Long Khánh gồm 2 quận Xuân Lộc, Định Quán có 3 tổng Bình Lâm Thượng, Bình Tuy và Tà Lài. Tỉnh lỵ đặt tại thị trấn Xuân Lộc.

Ngày 3/5/1957, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định ấn định các đơn vị hành chính tỉnh Biên Hòa, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Biên Hòa. Tỉnh Biên Hòa gồm 4 quận: Châu Thành (quận lỵ đặt tại Biên Hòa), Tân Uyên (quận lỵ đặt tại chợ Tân Uyên), Dĩ An quận lỵ đặt tại xã An Bình), Long Thành (quận lỵ đặt tại xã Phước Lộc). Toàn tỉnh có 11 tổng: Phước Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Thượng, Phước Vĩnh Trung, An Phước Hạ, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, Chánh Mỹ Thượng, An Thủy, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy Thượng và Thành Tuy Hạ.

Ngày 29/6/1957, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định cắt một phần đất của quận Định Quán tỉnh Long Khánh chuyển vào tỉnh mới Bình Tuy (tỉnh Bình Tuy được thành lập ngày 20/10/1956 trên cơ sở 2 quận Hàm Tân, Tánh Linh của tỉnh Bình Thuận hợp với một phần đất của tỉnh Đồng Nai Thượng).

Ngày 21/01/1959, chính quyền Sài Gòn thành lập tỉnh Phước Thành trên cơ sở quận Phú Giáo của tỉnh Bình Dương, quận Tân Uyên thuộc tỉnh Biên Hòa và một phần đất quận Định Quán thuộc tỉnh Long Khánh. Tỉnh Phước Thành thuộc đệ nhất Quân khu, gồm 3 quận: Hiếu Liêm, Tân Uyên và Phú Giáo. Tỉnh Phước Thành tồn tại cho đến năm 1967 thì giải thể.

Ngày 09/9/1960, chính quyền Sài Gòn thành lập quận Nhơn Trạch (trên cơ sở đất thuộc quận Long Thành của tỉnh Biên Hòa) và nhập 2 quận Quảng Xuyên, Cần Giò (tỉnh Phước Tuy) vào tỉnh Biên Hòa. Như vậy, tỉnh Biên Hòa có 6 quận gồm: Châu Thành, Dĩ An, Long Thành, Nhơn Trạch, Quảng Xuyên, Cần Giò.

Ngày 25/7/1961, chính quyền Sài Gòn ra sắc lệnh, tạm thời nhập phần đất phía Nam tỉnh Phước Thành (quận Tân Uyên) vào tỉnh Biên Hòa.

Ngày 10/10/1962, chính quyền Sài Gòn ra sắc lệnh 192, cắt tổng Long Vĩnh Hạ của quận Dĩ An, tỉnh Biên Hòa nhập vào quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định.

Ngày 7/3/1963, chính quyền Sài Gòn đổi tên quận Châu Thành thuộc tỉnh Biên Hòa thành quận Đức Tu. Ngày 22/3/1963, đổi tên quận Châu Thành ra quận Đức Tu. Thành lập quận mới Công Thanh thuộc tỉnh Biên Hòa, quận lỵ đặt tại Tân Phú. Như vậy, tỉnh Biên Hòa có 8 quận là: Đức Tu, Công Thanh, Tân Uyên, Dĩ An, Long Thành, Nhơn Trạch, Quảng Xuyên, Cần Giò (bãi bỏ cấp tổng).

Ngày 17/11/1965, chính quyền Sài Gòn cắt 2 quận Quảng Xuyên, Cần Giò thuộc tỉnh Biên Hòa nhập về tỉnh Gia Định. Tỉnh Biên Hòa còn 6 quận: Đức Tu, Công Thanh, Tân Uyên, Long Thành, Nhơn Trạch. Tỉnh Biên Hòa tồn tại cho đến tháng 4/1975.

Năm 1967, chính quyền Sài Gòn thành lập quận Kiệm Tân thuộc tỉnh Long Khánh. Tỉnh Long Khánh có 3 quận: Xuân Lộc, Định Quán, Kiệm Tân và tồn tại cho đến tháng 4/1975.

### **7. Thời kỳ thống nhất đất nước (1975 - nay)**

**Tháng 01/1976, Chính** phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam thành lập tỉnh Đồng Nai trên cơ sở sáp nhập các tỉnh: Biên Hòa, Bà

Rịa - Long Khánh, Tân Phú (02 huyện Tân Uyên và Phú Giáo của tỉnh Tân Phú cắt chuyển vào tỉnh Sông Bé). Tỉnh Đồng Nai có thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu; các huyện Thông Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Duyên Hải, 01 quần đảo, gồm 154 phường, xã, thị trấn.

Ngày 29/12/1978, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyết định chuyển huyện Duyên Hải của tỉnh Đồng Nai nhập vào Thành phố Hồ Chí Minh. Tỉnh Đồng Nai còn 01 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện, 01 quần đảo.

Ngày 30/5/1979, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định tách thị xã Vũng Tàu và xã Long Sơn thuộc huyện Châu Thành khỏi địa phận tỉnh Đồng Nai thành lập Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo. Tỉnh Đồng Nai còn 01 thành phố và 08 huyện, 01 quần đảo, gồm 141 phường, xã, thị trấn.

Ngày 09/12/1982, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 193, thành lập huyện Trường Sa (toàn bộ khu vực quần đảo Trường Sa - thuộc huyện Long Đất). Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố và 9 huyện. Từ tháng 12, huyện Trường Sa được Quốc hội chuyển nhập vào tỉnh Phú Khánh. Tỉnh Đồng Nai còn lại 1 thành phố và 8 huyện.

Ngày 23/12/1985, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 284, thành lập Thị xã Vĩnh An trên cơ sở huyện Vĩnh Cửu và 02 Lâm trường Hiếu Liêm và Mã Đà của huyện Tân Phú. Tỉnh Đồng Nai có 01 thành phố, 01 thị xã, 07 huyện, gồm 147 phường, xã, thị trấn.

Ngày 10/4/1991, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 107, chia huyện Xuân Lộc thành 2 huyện Long Khánh, Xuân Lộc; chia huyện Tân Phú thành 2 huyện Tân Phú, Định Quán.

Ngày 12/8/1991, Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quyết định cắt chuyển 03 huyện Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc của tỉnh Đồng Nai nhập vào tỉnh mới Bà Rịa - Vũng Tàu. Tỉnh Đồng Nai có 1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện, gồm 119 phường, xã, thị trấn.

Ngày 23/6/1994, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Nghị định số 51, chia huyện Long Thành thành 02 huyện: huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch.

Ngày 29/8/1994, thành lập lại huyện Vĩnh Cửu trên cơ sở thị xã Vĩnh An.

Ngày 21/8/2003, Nghị định số 97/2003/NĐ - CP của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thành lập huyện Thống Nhất, Trảng Bom trên cơ sở chia tách huyện Thông Nhất trước đây, nâng huyện Long Khánh trở

thành Thị xã Long Khánh, thành lập huyện Cẩm Mỹ trên cơ sở một số xã của huyện Long Khánh và huyện Xuân Lộc.

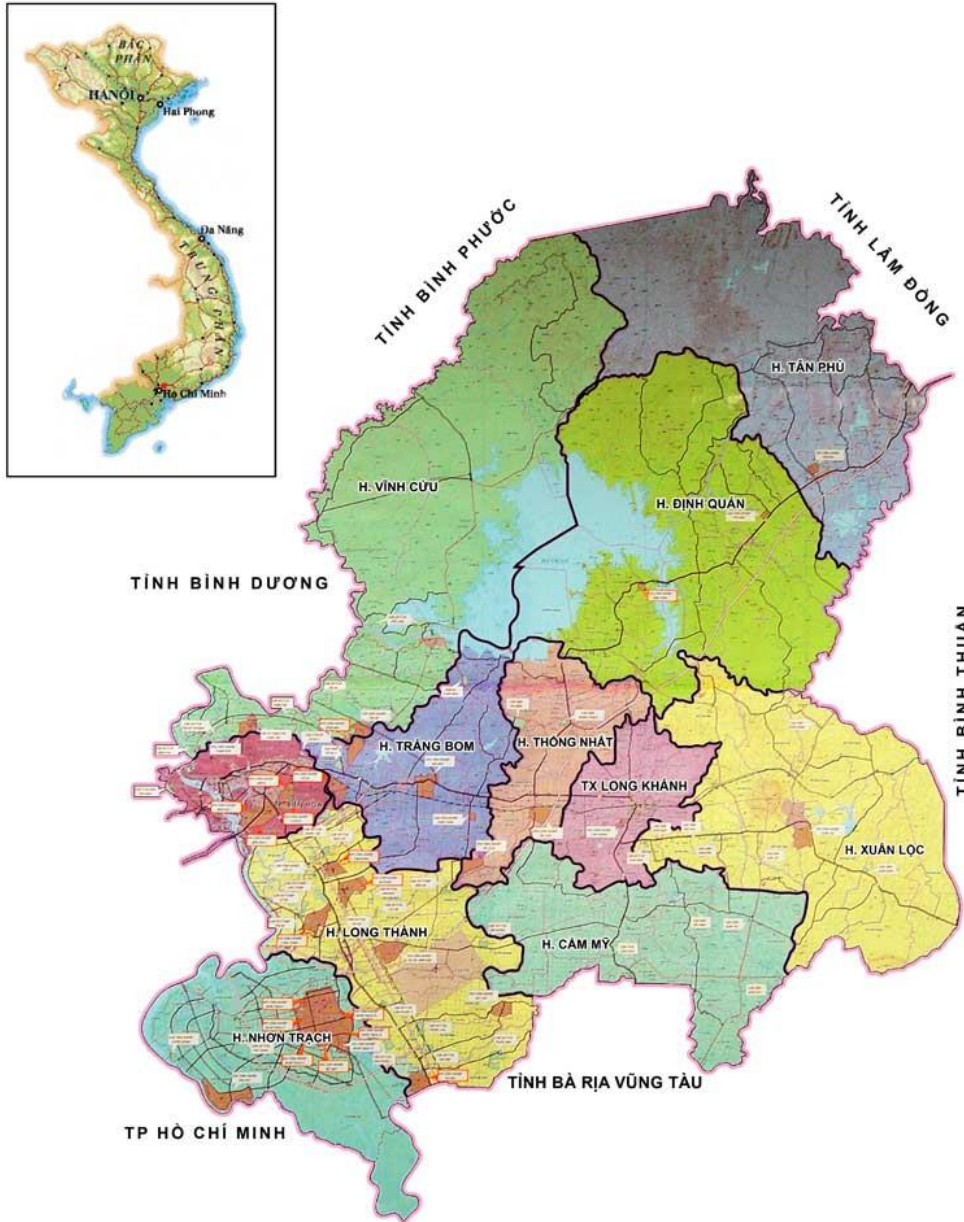
Ngày 05/02/2010, Nghị quyết số 05/NQ - CP của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký sáp nhập thêm 04 xã của huyện Long Thành; gồm các xã An Hòa, Long Hưng, Phước Tân và Tam Phước nhập vào thành phố Biên Hòa.

Hiện nay, Đồng Nai là đơn vị hành chính cấp tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ của Việt Nam, có tọa độ địa lý từ 10°30'03 đến 11°34'57 vĩ độ Bắc và từ 106°45'30 đến 107°35'00 kinh độ Đông; là vùng đất nối liền giữa Nam Bộ, cực Nam Trung Bộ và Nam Tây Nguyên. Tỉnh Đồng Nai có diện tích 5.862,37 km<sup>2</sup>, chiếm 1,76% diện tích tự nhiên của cả nước và 25,5% diện tích tự nhiên vùng Đông Nam Bộ, giữ vị trí quan trọng trong vùng phát triển kinh tế trọng điểm phía Nam của đất nước.

Tỉnh Đồng Nai giáp các tỉnh: Phía Đông giáp tỉnh Bình Thuận, phía Tây giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Tây Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Bình Phước, phía Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng.

Hiện nay, tỉnh Đồng Nai có **173** phường, xã, thị trấn. Trong đó:

- Thành phố Biên Hòa: **23** phường, **07** xã.
- Thị xã Long Khánh: **06** phường, **09** xã
- Huyện Tân Phú: **01** thị trấn, **17** xã.
- Huyện Định Quán: **01** thị trấn, **13** xã.
- Huyện Xuân Lộc: **01** thị trấn, **14** xã.
- Huyện Cẩm Mỹ: **13** xã.
- Huyện Long Thành: **01** thị trấn, **18** xã.
- Huyện Nhơn Trạch: **12** xã.
- Huyện Thống Nhất: **10** xã.
- Huyện Trảng Bom: **01** thị trấn, **16** xã.
- Huyện Vĩnh Cửu: **01** thị trấn, **09** xã.



*Địa giới tỉnh Đồng Nai hiện nay  
(một phần của tỉnh Biên Hòa trước đây).*

Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, dân số tỉnh Đồng Nai có 2.486.154 người; trong đó có 1.231.279 nam, 1.254.875 nữ. Như vậy, tỉnh Đồng Nai có dân số đông hàng thứ 5 của Việt Nam, đứng hàng thứ hai trong số các tỉnh thành miền Đông Nam Bộ. Mật độ dân số theo tỉ lệ 421 người/km<sup>2</sup> Có trên 30 thành phần dân tộc sinh sống. Người Kinh chiếm số lượng nhiều nhất với tỉ lệ 92,8% dân số, kể đến người Hoa, Chơ-ro, Chăm, Nùng, Mạ, Cơ ho, Stiêng, Khmer và các dân tộc anh em khác.



Đồng Nai có vị trí hết sức quan trọng, là cửa ngõ phía đông Thành phố Hồ Chí Minh - một trung tâm kinh tế lớn của cả phía Nam, nối Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam Bộ bởi các tuyến giao thông huyết mạch như quốc lộ 1A, quốc lộ 51 và tuyến đường sắt Thống Nhất... Vì thế, Đồng Nai được coi như là “*bản lề chiến lược*” giữa 04 vùng của các tỉnh phía Nam. Nó không chỉ có vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế, xã hội mà còn có ý nghĩa đặc biệt về kinh tế kết hợp an ninh quốc phòng và môi trường của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Về cơ cấu hành chính, Đồng Nai có 01 thành phố Biên Hòa, 01 thị xã Long Khánh và 09 huyện gồm: Cẩm Mỹ, Định Quán, Long Thành, Nhơn Trạch, Tân Phú, Thông Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu và Xuân Lộc.

### **NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC Ở ĐỒNG NAI.**

Đồng Nai là một trong những địa bàn phát triển kinh tế năng động ở phía Nam của đất nước. Trên địa bàn Đồng Nai, có khoảng 40 dân tộc cùng sinh sống. Quá trình phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đồng Nai đã tiếp tục biến địa bàn này thành vùng đất mở thu hút các nguồn nhân lực đến sinh sống, làm việc. Sự cộng cư nhiều thành phần dân tộc qua quá trình phát triển đã làm cho sắc thái về tộc người và văn hóa của vùng đất này thêm đa dạng trên nhiều lĩnh vực.

|              |              |              |                      |
|--------------|--------------|--------------|----------------------|
| 1. Người Hoa | 11. Stiêng   | 21. Bana     | 31. Xơđăng           |
| 2. Người Tày | 12. Koho     | 22. Tà na    | 32. Hà Nhì           |
| 3. Nùng      | 13. Êđê      | 23. Pà Thén  | 33. La Chí           |
| 4. Chơ-ro    | 14. Thái     | 24. Kháng    | 34. Cơ Lao           |
| 5. Dao       | 15. Sán Dìu  | 25. Mnông    | 35. Cotu             |
| 6. Mường     | 16. Sán Chay | 26. Xinh Mun | 36. Romăm            |
| 7. Khmer     | 17. Thổ      | 27. Lào      | 37. Khomú            |
| 8. Chăm      | 18. Raglay   | 28. Hrê      | 38. Giẻ Triêng       |
| 9. Mạ        | 19. Lô Lô    | 29. Giáy     | 39. Bô Y             |
| 10. Giarai   | 20. Hmông    | 30. Bru      | 40. Các dân tộc khác |

#### **1. Các dân tộc bản địa**

Ban đầu, vùng đất Đồng Nai xưa chỉ có các dân tộc được xem là bản địa như: Mạ, Chơ-ro, Cơ ho, XTiêng, Khmer. Người Mạ có nhiều tộc danh để phân biệt từng nhóm người ở các vùng khác nhau như: Mạ Xộp, Mạ Tô, Mạ Blao, Mạ

Dagui, Mạ Đạ Đông, Mạ Ngăn, Mạ Kli, Mạ Krung... Ở Đồng Nai, nhóm cộng đồng người Mạ tự nhận tộc danh của mình là: Mạ Krung, Mạ Kli (địa bàn làng Hiệp Nghĩa - huyện Định Quán) / tức là nhóm người Mạ sống ở vùng bình nguyên, trung lưu sông Đồng Nai, La Ngà so với nơi cư trú chính, đông đảo của dân tộc Mạ vùng cao nguyên Lâm Đồng. Người Mạ sinh sống tại làng Tà Lài (huyện Tân Phú) nhận là người Mạ vùng Rà Lài. Theo cách lý giải bởi sự đọc chệch và phiên âm từ thời Pháp chiếm nên Rà Lài thành Tà Lài. Cộng đồng cư dân Mạ đầu không có chữ viết riêng nhưng có đời sống, kho tàng văn hoá khá phong phú. Người Cơ ho gần gũi với người Mạ. Cộng đồng nay cũng có nhiều nhánh như Xrê, Nộp, Codon, Chil, Lạt. Cộng đồng Cơ ho sông tập trung tại xã Phú Bình (huyện Tân Phú).

**Người Chơ-ro** chiếm số lượng khá đông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Một số tài liệu trước đây gọi người Chơ-ro là Ro, Tô, Xốp (Coop), hay Dơ Ro... Người Chơ-ro tự gọi mình là Chrau Jro với nghĩa: Chrau/ người, Jro/ tên bộ tộc.

Hiện nay, cộng đồng Chơ-ro sinh sống đông đảo tại các huyện xã Túc Trưng, huyện Định Quán, xã Phước Bình (huyện Long Thành), xã Long Giao (huyện Cẩm Mỹ), xã Xuân Phú (huyện Xuân Lộc), xã Bảo Vinh, Bà Trâm (thị xã Long Khánh). Cộng đồng người Chơ-ro cũng chưa có chữ viết riêng.



Đời sống của người Chơ-ro cũng khá đa dạng, nhiều nét văn hoá truyền thống của tộc người Chơ-ro được bảo lưu qua nhiều thế hệ như những lễ hội, tập quán.

**Người Stiêng** là cư dân có mặt sớm trên vùng miền Đông Nam Bộ, đặc biệt, hiện nay người Stiêng sống tập trung khá đông đảo trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sau này, do nhiều yếu tố lịch sử, người Stiêng đến sinh sống trên đất Đồng Nai, hầu hết có nguồn gốc từ địa bàn Phước Long (nay thuộc tỉnh Bình Phước). Ngoài một số hộ cư trú có tính chất riêng rẽ, người Stiêng tập trung sinh sống có tính chất cộng đồng chặt chẽ tại địa bàn cư trú tập trung phân bố tại xã Xuân Hưng, xã Xuân Hòa (huyện Xuân Lộc), xã Tà Lài (huyện Tân Phú), xã Tân Hiệp (huyện Long Thành).

*Người Khmer* hiện nay chiếm số lượng không nhiều ở Đồng Nai. Tuy vậy, trong những tư liệu xưa cho biết, từ thế kỷ XVI, đã có một vài phum sóc<sup>1</sup> của người Khmer cùng các dân tộc thiểu số khác sinh sống trên vùng đất rộng lớn Biên Hòa - Đồng Nai. Phum sóc của người Khmer trên một số giong đất ven sông.



Tuy không có chữ viết riêng nhưng kho tàng văn hoá, đặc biệt là văn hoá dân gian của cộng đồng các dân tộc bản địa rất phong phú. Mặc dù có nhiều yếu tố tác động, ảnh hưởng nhưng cho đến nay, những giá trị di sản văn hoá tộc người của các dân tộc bản địa ở Đồng Nai vẫn được bảo tồn với những nét đặc thù, thể hiện qua các loại hình như: tín ngưỡng, lễ hội, chuyện kể...

## 2. Văn hóa các dân tộc bản địa

### ❖ Đời sống kinh tế

Đời sống văn hóa vật chất của các dân tộc bản địa bao gồm các hoạt động sản xuất nông nghiệp dựa trên phương thức “ăn cây rừng, uống nước trời”, canh tác du canh du cư, trên nương rẫy. Người Chơ-ro, Mạ, Stiêng định cư trên các vùng rừng núi trung du ở Đồng Nai. Địa bàn của họ thường ở trên những sườn đồi hoặc ở sâu trong rừng núi. Đời sống lệ thuộc vào thiên nhiên.

### ❖ Cấu trúc gia đình - xã hội

<sup>1</sup> Xóm làng của vùng đồng bào dân tộc Khmer.

Người Chơ-ro gọi làng là palây, đublây, người Mạ gọi là bòn; người Stiêng gọi là sóc, bòn, bù... là đơn vị hành chính của một tập hợp gia đình cùng dòng họ, hoặc vài tộc xen kẽ.

Ranh giới làng không rõ rệt, gồm vài nhà sàn dài (sau này là vài chục nhà sàn nhỏ) ở cùng một địa điểm cư trú. Xưa kia đứng đầu mỗi nhà dài có vị trưởng họ hay tộc trưởng gọi là ông đầu nhang - uoh yang va (người Chơ-ro), chau đòng (người Mạ), tom yau (người Stiêng) hoặc vị già làng hay hội đồng già làng có quyền hành giải quyết các việc trong trong một làng, palây, bòn, sóc...

Đây là những người già có uy tín, nhiều kinh nghiệm được mọi người trong làng tín nhiệm và tuân phục. Các vị này thường có nhiều tài sản như: trâu, ché, đồng la... là những thứ có giá trị kinh tế cao là đối tượng được làng đưa ra ngã giá quy đổi dè thưởng hay phạt vạ...

Trước đây hệ thống nhà dài còn tồn tại thì quyền quản lý thuộc về người phụ nữ. Người mẹ, người vợ có quyền quyết định mọi việc trong nhà. Con gái được quý trọng hơn con trai, con trai lấy vợ thì ở rể trong nhà cô gái. Cũng theo đó, vai cậu (anh của mẹ) rất quan trọng có vị trí quyết định trong việc giải quyết các chuyện gia đình như: cưới hỏi, ma chay... Ngày nay, chế độ mẫu hệ không còn, vị trí người nam được tôn trọng và quyền quản lý cũng như trách nhiệm nuôi sống gia đình đều thuộc về người chồng, người cha, người con trai trong gia đình.

### ❖ Tín ngưỡng dân gian

Các dân tộc bản địa Đồng Nai thờ đa thần, tín ngưỡng nguyên thủy có liên quan mật thiết với nghề nông cổ truyền. Họ tin vạn vật hữu linh, tất cả mọi vật đều có thần linh. Các vị thần được thờ như: Yang Va (thần Lúa), Yang Bri (thần rừng), Yang Dal (thần suối), Yang Re (thần rẫy), Yang Mơ (thần ruộng), Yang Nhi (thần nhà hay thổ công)... Một trong những lễ cúng quan trọng của các dân tộc bản địa là lễ cúng thần Lúa (Sa Yang Va) đến nay vẫn còn bảo tồn nhiều nét đặc sắc (đặc biệt ở dân tộc Chơ-ro).

Ở mỗi sóc của người Stiêng thường có một miếu nhỏ thờ Neak tà đó là ngẫu tượng nhỏ bằng gỗ hoặc đá. Theo một số nhà nghiên cứu thì tín ngưỡng thờ Neak tà vốn là của người Khơme mà người Stiêng đã vay mượn trong quá trình giao lưu văn hóa. Người Stiêng thờ thần mặt trời, thần sấm sét cai quản đất đai, thần mặt trăng coi sóc việc gặt hái và cây cối... Ngoài ra họ tin rằng có một số ác thần và ma quỷ. Lỡ chặt củi cạnh gò mồi hoặc ngồi dưới gốc cây cao to mà về nhà sau đó bị bệnh thì người ta san bằng gò mồi, chặt hạ cây đó. Trong sóc thường có bà bóng coi bói giải chuyện xấu cho các gia đình.

### ❖ Phong tục tập quán, lễ hội

Các dân tộc bản địa Đồng Nai thường tổ chức lễ cúng thần Lúa vào khoảng tháng 3 âm lịch sau khi mùa vụ thu hoạch đã xong và chuẩn bị cho một mùa vụ mới. Trước đây lễ cúng Nhang của đồng bào Chơ-ro được tổ chức trong nhiều ngày, chuẩn bị cho lễ cúng người ta chuẩn bị nhiều thứ: vào rừng chặt cây vàng nghệ về dựng nêu, đào củ chụp, củ nân, củ mì, hái lá bép, chặt đọt mây, chặt ống lồ ô nấu cơm lam; lấy lá rế cây để ủ làm rượu cần... Trước khi tiến hành lễ, người ta dựng nêu ở giữa sân nhà để mọi người biết tham gia dự lễ cúng. Cây nêu cũng là biểu tượng cho lễ hội và tượng trưng của các Tổ thần lúa, Tổ thần rừng và Tô thần nhà. Lễ vật cúng Nhang Lúa gồm có: đầu heo, thịt gà, lòng mè gà, bánh dày mè đen, cơm lam, trầu cau, bông lúa, cây chuối non, cây mía, hoa cau... Nghi lễ được tổ chức ở từng gia đình, chủ nhà cúng tuần tự ở Tổ nhang nhà và kho lúa.

Lễ hội lớn nhất của người Mạ là lễ hội mùa (nor he). Vào ngày lễ người ta lấy hai cây tre non cao từ 2 - 3m dựng thành cây nêu. Trên đầu cây tre chẻ nhỏ ngọn làm 6 lúa bông xòe ra. Trên các nhánh có trang trí những thẻ tre mỏng dài với hoa văn hình học vuông tròn hoặc hình con dê cách điệu... rất sinh động. Ché rượu cần được bày ở dưới cây nêu. Buổi tối, chủ nhà giết gà vịt heo hoặc trâu để làm lễ cúng. Lễ vật thường có thịt heo, thịt gà trầu cau thịt rừng nướng, cơm lam... Gia chủ tự cúng không mời thầy chang hoặc bà bóng như người Chơ-ro. Những bài khấn của các dân tộc Chơ-ro, Mạ, Stiêng có nội dung tương tự nhau. Chủ nhà đọc lời theo nhịp điệu hòa lẫn với tiếng cồng chiêng tấu lên rộn rã, sôi động. Lời cúng được dịch ý chính đại khái như: *Cầu thần Lúa giúp đỡ để gia đình có lúa ăn, được vậy thì tôi mừng ăn gà vịt, heo, dê cả năm... Đừng làm cho tôi đói, tiếp tục cho tôi lúa (được mùa). Xin thần Lúa ăn heo, gà, vịt, dê cho tôi...*

Ngoài lễ mừng lúa mới, người Mạ và Stiêng ở Đồng Nai còn có lễ đâm trâu (hay còn gọi là lễ ăn trâu) như các dân tộc ở Tây Nguyên, cúng thần Lúa, thần rừng vào mùa cúng thần Lúa. Cứ ba năm bòn lại làm lễ hiến sinh (tế trâu), có khi vài bòn gần nhau góp làm chung. Nay lễ đâm trâu ít được tổ chức do điều kiện kinh tế của đồng bào còn nhiều khó khăn (trừ những dịp do nhà nước tài trợ kinh phí tổ chức).

Trong một năm, người Stiêng có một số lễ nông nghiệp cổ truyền như: cúng *veha* (cầu an) đầu năm, cúng thần đất, cúng thần Lúa, cúng cơm mới, cúng pha bào (cúng trả lễ thần sông suối). Từ tháng chạp âm lịch trở đi, sau khi thu hoạch lúa xong, người stiêng làm lễ cúng thần Lúa (khuôl bra bar) tương tự lễ ăn

nhang của người Chơ-ro. Các gia đình giết gà, mổ heo, hoặc mổ trâu ăn uống, ca hát vui vẻ trong một ngày. Đây là lễ hội lớn nhất trong năm của người Stiêng. Lời khấn cũng có ý nghĩa tương tự như ở người Chơ-ro và Mạ.

### **3. Tiến trình nhập cư của cộng đồng người Việt, Hoa và các dân tộc khác**

Người Việt đến đất Đồng Nai khá sớm. Vùng Biên Hòa - Đồng Nai đất rộng, người thưa từ thế kỷ XVI đã trở thành “điểm đến lý tưởng” cho cộng đồng các cư dân từ các vùng miền khác. Đặc biệt, đối với những lưu dân Việt từ miền Ngũ Quảng, khi cuộc phân tranh Trịnh - Nguyễn kéo dài, việc Nam tiến được chúa Nguyễn ưu tiên cho thế đứng chân thì những luồng di dân Việt đã tìm đến nơi đây để mưu cầu một cuộc sống mới. Bằng nhiều cách, nhiều thời kỳ, các cư dân Việt đã có mặt trên vùng đất Đồng Nai.

Một bộ phận người Hoa cũng đến Đồng Nai từ khá sớm, bắt đầu vào thế kỷ thứ XVII. Sự có mặt của nhóm cộng đồng người Hoa được sử sách chép với mốc thời gian định vị rõ ràng.

Sách Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức cho biết: “Tháng 4 năm Kỷ Mùi (1679), quan Tổng binh thủy lục trấn thủ các xứ ở Long Môn thuộc Quảng Đông nước Đại Minh là Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tấn, quan Tổng binh trấn thủ các châu Cao, Lô, Liêm là Trần Thắng Tài, phó tướng Trần An Bình dẫn quân và gia nhân hơn 3.000 người cùng chiến thuyền hơn 50 chiếc xin được vào Kinh bằng hai cửa Tư Dung và Đà Nẵng (...) họ không thể thần phục Triều Thanh nên chạy sang nước Nam nguyện được làm dân mọn (...) Triều đình mới tổ chức khao đãi ân cần, chuẩn y cho giữ nguyên chức hàm, phong cho quan tước rồi lệnh cho tới Nông Nại (Đồng Nai) làm ăn, gắng sức khai thác đất đai (...). Bọn tướng Long Môn họ Dương đem binh thuyền tiến nhanh vào cửa Xoài Rạp và cửa Đại, cửa Tiểu dừng trú tại xứ Mỹ Tho. Bọn tướng các xứ Cao, Lô, Liêm họ Trần thì đem binh thuyền vào cửa cần Giờ, rồi đồn trú tại xứ Bàn Lân thuộc Đồng Nai”. Bắt đầu từ cuối thế kỷ XVII cho đến những giai đoạn về sau, số lượng người Hoa đến vùng Nam Bộ nói chung, Đồng Nai nói riêng ngày càng tăng qua nhiều đợt di dân mỗi khi Trung Quốc hay các vùng người Hoa sinh sóng biển động về xã hội. Bao thế hệ người Hoa từ đoàn di dân đầu tiên đến những đợt di cư do về sau đã lần hồi góp phần xây dựng vùng đất Nam Bộ vốn là nơi “tị nạn” trở thành “quê hương” bao dung đối với họ. Trải qua bao biến cố lịch sử, lúc thăng, lúc trầm trong suốt quá trình di cư, định cư, cộng đồng người Hoa đã có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc khai khẩn; đặc biệt là việc xây dựng trung tâm thương mại Nông Nại đại phố nổi

tiếng (trên địa bàn Cù Lao Phố, xã Hiệp Hòa, Biên Hòa ngày nay), góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đất Nam Bộ, đặt cơ sở cho kinh tế hàng hóa phát triển.

#### **4. Đời sống văn hóa của người Hoa**

Đời sống văn hóa của người Hoa thể hiện trên nhiều mặt: nhà ở, ăn uống, trang phục, phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo, lễ hội... rất phong phú với những sinh hoạt đặc trưng về văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần của tộc người ở vùng đất Nam bộ.

Nhà ở của người Hoa là nhà trệt kiến trúc ba gian, vách bằng gỗ hoặc xây tường, mái lợp ngói hoặc tôn. Ở phố, do diện tích chật hẹp, người Hoa thường làm nhà một gian có gác: tầng trệt để buôn bán, gác để ở. Trong nhà ngăn nhiều phòng và bày biện nhiều đồ đạc, vì vậy nhà ở trông rất chật chội, kém mỹ quan.

Nhà người Hoa bài trí bàn thờ Tổ tiên ở nơi trang trọng nhất với chiếc lư hương, cặp chân đèn và bài vị. Bàn thờ thổ địa, thần tài đặt cùng một tran nhỏ sát mặt đất. Có nhà thờ Cửu thiên Huyền nữ, Quan thánh Đế quân, Phật bà Quan Âm, Thổ Địa và Tài Bạch Tinh quân... Điểm đặc biệt trong trang trí ngôi nhà người Hoa là tục dán giấy đỏ trước cửa nhà. Mỗi dịp tết đến, người Hoa thường trang hoàng nhà cửa, dán giấy đỏ, treo tranh vẽ hoặc chiếc gương soi bên ngoài với một số kiêng kỵ trừ tà ma, cầu may mắn tốt lành.

Trước đây nhà người Hoa được cất thành dãy phố sống tập trung ở một khu vực theo từng nhóm phương ngữ. ở Biên Hòa, các phố người Hoa sông tập trung như: chợ Biên Hòa, khu phố 10 đường Hùng Vương, khu vực chợ Cù lao Phố, khu vực làng đá phờng Bửu Long, khu vực làm gốm phờng Tân Vạn, khu vực chợ Phúc Hải phờng Tân Phong. Ngày nay, người Hoa sông xen kẽ với người Việt, vì vậy nhà người Hoa được xây dựng theo lối kiến trúc giống nhà người Việt chỉ khác ở trước cửa nhà người Hoa có dán giấy hồng điều màu đỏ chữ nhũ vàng. Các nhà buôn dán miếng giấy trước cửa ra vào thờ Thổ công, hàng tháng cúng cô hồn vào hai lần vào ngày mùng hai và mười sáu âm lịch.

Ẩm thực của người Hoa chủ yếu là món mì sợi, hủ tiếu, vằn thắn. Nước chấm phổ biến là xì dầu. Buổi tối thường ăn cháo trắng với hột vịt muối, cải muối chua, muối mặn, đậu hũ... Các loại rượu ngâm với thuốc bắc cũng được người Hoa ưa chuộng.

Trang phục truyền thống của người Hoa là áo cổ cao đứng như cổ áo dài, áo quần cùng màu. Áo cổ cao, vai liền, xẻ tà cao, nút thắt, gài nút ở giữa hoặc một bên. Quần lưng rút và nôi cạp. Trang phục lễ hội của phụ nữ có áo dài xườn

xám kín cổ, khuy áo cài lệch về bên phải, thân chít eo và xẻ tà hai bên. Thiếu nữ thì mặc áo ngắn viền lai tròn ôm với thân, mặc với chiếc váy dài xòe rộng ở phía dưới. Đàn ông mặc áo dài rộng xẻ thành hai tà dài tới chân, nút cài một bên như áo dài nam giới của người Việt với các màu đen hoặc xanh bằng gấm... Ngày nay, người Hoa mặc quần áo như người Việt. Trang phục truyền thống (lễ phục của nam giới) chỉ dành cho những dịp tế lễ ở chùa, miếu hay trong các dịp lễ hội.

Các tín ngưỡng dân gian của người Hoa như: thờ Thần tài, Táo quân, thần Cửa, Ngọc Hoàng, Tề Thiên, Quan thánh Đế quân, Thiên Hậu Thánh mẫu, ông Bần, Phúc Đức Chính thần, các linh vật... Tín ngưỡng người Hoa có ảnh hưởng sâu sắc theo quan niệm của Đạo giáo và Khổng Giáo. Tín ngưỡng rất phong phú, đặc thù của truyền thống văn hóa Trung Hoa.



*Thất Phủ cổ miếu*

Qua quá trình khảo sát trên 60 cơ sở tín ngưỡng của người Hoa tại Đồng Nai cho thấy, đối tượng được người Hoa thờ tự chính như: Thiên Hậu Thánh mẫu, Quan thánh Đế quân, Quảng Trạch Tôn Vương, Nương Tơ thánh mẫu, Ông Bần, Phúc Đức chính Thần, Địa Mẫu, Tể nghê (Miếu Tổ sư), Thổ thần, Thổ Địa, ông bà Tổ tiên... Bên cạnh những đối tượng thờ chính, người Hoa còn phôi tự rất nhiều nhân vật của Trung Hoa như: Quan Âm Bồ Tát, Châu Xương -



Quang Bình, Thiên Lý nhân - Thuận Phong nhĩ, Kim Hoa nương nương, Ngũ Hành nương nương, Huyền đàn, Thái Tuế, Khổng Tử...

Ngoài tín ngưỡng dân gian, người Hoa còn theo đạo Phật với đối tượng thờ phổ biến là Phật bà Quan Âm. Đạo Phật ảnh hưởng rất sâu sắc đến đời sống tinh thần của người Hoa. Trong đó, lễ cầu siêu ảnh hưởng từ đạo Phật chi phối mạnh mẽ đến đời sống tâm linh của họ. Hiện nay, có một số ít người Hoa theo đạo Công giáo và đạo Tin lành.

*Văn hóa của Đồng Nai khá phong phú do nhiều yếu tố tác thành. Trong dòng chảy văn hóa của đất nước nói chung, của Nam Bộ nói riêng, văn hóa của Đồng Nai có một vị trí quan trọng bởi đây là vùng đất được xem là địa đầu trong quá trình khai khẩn Nam Bộ. Nhận diện giá trị các nguồn di sản văn hóa mà thế hệ tiền nhân gây dựng là một việc làm có ý nghĩa thiết thực khi chúng ta đang tập trung cho công cuộc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản Sắc dân tộc.*

# PHẦN II

*NHỮNG HIỂU BIẾT VÀ CẢM NHẬN VỀ DI TÍCH VĂN MIẾU  
TRẦN BIÊN VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP THIẾT THỰC VỀ  
HOẠT ĐỘNG PHÁT HUY DI TÍCH NÀY NHÂN DỊP KỶ NIỆM  
320 NĂM HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT  
BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI (1698-2018).*



## NHỮNG HIỂU BIẾT VÀ CẢM NHẬN VỀ DI TÍCH VĂN MIẾU TRẦN BIÊN

### 1. Kiến trúc của Văn miếu Trần Biên

Nằm tọa lạc tại khu đất rộng thuộc phường Bửu Long (TP Biên Hòa, Đồng Nai), văn miếu Trần Biên là văn miếu đầu tiên được xây dựng (năm 1715) tại xứ Đàng Trong, để tôn vinh Khổng Tử, các danh nhân văn hóa nước Việt, đến nay đã hơn 300 năm tuổi.

Vào đời vua Hiến Tông năm Ất Vị thứ 25 (tức năm 1715), Trần thủ Nguyễn Phan Long và Ký lục Phạm Khánh Đức chọn thôn Bình Thành và thôn Tân Lại, tổng Phước Vĩnh (nay là phường Bửu Long, TP Biên Hòa) để xây dựng văn miếu Trần Biên, có vai trò như một trung tâm văn hóa - giáo dục của vùng đất này.

Theo sách “Đại Nam nhất thống chí” của Quốc sử quán triều Nguyễn miêu tả, Văn Miếu Trần Biên được ghi nhận là Văn Miếu được xây dựng sớm nhất ở miền Nam (mặc dù ra đời sau Văn Miếu Quốc Tử Giám hơn 700 năm). Khi quân Pháp đánh chiếm Biên Hòa năm 1861, chúng đã phá hủy hoàn toàn Văn Miếu Trần Biên nhằm dập tắt tinh thần yêu nước của người dân Nam Bộ.

Với ý chí kiên cường bất khuất nhân dân ta đã nổi dậy giành chính quyền. Vào ngày 09/12/1998, Đảng Ủy và nhân dân tỉnh Đồng Nai đã khởi công xây dựng lại Văn miếu Trần Biên tại phường Bửu Long, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; cách trung tâm thành phố khoảng 3 km và gần Trung tâm Văn hóa Du lịch Bửu Long trong phạm vi khoảng 2 ha, với số tiền đầu tư gần 20 tỷ đồng. Công trình được khánh thành vào ngày mừng 3 Tết Nhâm Ngọ (nhằm ngày 14 tháng 2 năm 2002) với tổng diện tích gần 15 ha, trong đó khu trung tâm rộng khoảng 2 ha.

Văn Miếu Trần Biên ra đời được xem như là “Văn Miếu Quốc Tử Giám” của Nam Bộ. Đây chính là biểu trưng cho truyền thống học tập, hào khí và văn hóa của người Việt phương Nam. Văn Miếu là nơi thờ phụng các danh nhân văn hóa tiêu biểu của đất nước và là biểu trưng của nền văn hóa dân tộc. Với các công trình được xây dựng theo kiến trúc Văn Miếu - Quốc Tử Giám ở Hà Nội, gồm các hạng mục: nhà thờ chính, tả vu hữu vu, sân hành lễ... thể hiện truyền thống tôn sư trọng đạo, kính trọng hiền tài.

Nổi bật giữa vùng không gian thoáng đãng, nhiều cây xanh, là những vòm mái cong, lợp ngói lưu ly màu xanh ngọc (gốm tráng men). Từ Văn miếu môn

lần lượt là nhà Bia, Khuê Văn Các, hồ Thiên Quang Tỉnh, công Đại Thành, nhà thờ Đức Khổng Tử và sau cùng là nhà thờ chính rộng lớn.



*Toàn cảnh văn miếu Trấn Biên*

**Văn Miếu Môn (Cổng Văn miếu):**  
Với kết cấu lầu gác, đây là lối đi chính dẫn vào khu thờ tự bên trong.



*Tác giả trước cổng Văn miếu*

**Nhà Bia:** Bài văn bia do giáo sư - anh hùng lao động Vũ Khiêu biên soạn, gồm 8 phần, mỗi phần gồm 10 câu, được khắc trên hai mặt bia đá. Khái quát truyền thống văn hóa, giáo dục của dân tộc và của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, thể hiện khát vọng của nhân dân Đồng Nai trong kỷ nguyên mới.



Hai mặt bia đá phía trước và sau

**Khuê Văn Các:** gác vẽ đẹp ngôi sao Khuê ngôi sao chủ đạo trong bầu trời văn học.

**Thiên Quang Tỉnh (Giếng ánh sáng mặt trời):** là hồ nước lớn nằm giữa Khuê Văn các và Đại Thành Môn, ngay trên trục thân đạo. Hồ có hình chữ nhật, chung quanh được kê bằng đá Bửu Long. Nước hồ trong xanh, được thả các loại cá và sen. Buổi sáng, Khuê Văn Các; buổi chiều Đại Thành Môn in bóng trên mặt hồ càng tạo thêm phong cảnh tươi đẹp cho Văn miếu. Thiên Quang Tỉnh được xây dựng theo kết cấu hình vuông tượng trưng cho đất.



*Thiên Quang Tỉnh*

**Đại Thành Môn:** Lóp cổng của sự thành đạt lớn lao. Các nho sĩ ngày xưa khi đi thi đạt được trình độ học vấn uyên thâm thì sẽ được bước qua lóp cổng Đại Thành này vào khu thờ tự bên trong.

**Nhà thờ Đức Khổng Tử:** Khổng Tử là người khai sáng ra Nho giáo và Nho học. Ngày nay, Trung tâm Văn miếu Trấn Biên cũng đưa vào thờ Khổng Tử ở vị trí trang trọng từ ngoài vào nhằm thể hiện hơn nữa tinh thần tôn sư trọng đạo, tôn trọng tri thức.



*Tác giả chụp tại Nhà thờ Đức Khổng Tử*

**Bái Đường (Nhà thờ chính):** xây dựng kiểu nhà ba gian hai chái, theo kiến trúc cổ, sơn son thếp vàng, nền lát gạch, trên các cột nhà treo đôi liễn đối.

Gian trung tâm thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 – 1969): anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Sau lưng tượng thờ Chủ tịch là hình ảnh Trống đồng Ngọc Lũ biểu tượng cho nền văn hóa Việt Nam và Quốc Tổ Hùng Vương.



*Gian trung tâm nhà thờ chính thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh*

Gian bên trái nhà là nơi thờ các danh nhân văn hóa Việt Nam như Chu Văn An (1292 - 1370), Nguyễn Trãi (1380 - 1442), Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585), Lê Quý Đôn (1724 - 1784), Nguyễn Du (1765 - 1820).

Gian bên phải thờ danh nhân đất Nam Bộ như Võ Trường Toản, (? - 1792), Đặng Đức Thuật, Gia đình tam gia có: Trịnh Hoài Đức (1765 - 1825), Lê Quang Định (1759 - 1813), Ngô Nhơn Tịnh (? - 1813), Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), Bùi Hữu Nghĩa (1807 - 1872).

Đôi tượng thờ tự ở Văn miếu Trấn Biên có khác so với những Văn miếu xây dựng trước đây. Những danh nhân văn hoá của các vùng miền tiêu biểu trong diễn trình lịch sử Việt Nam được thờ trong Văn miếu Trấn Biên. Mặc dù

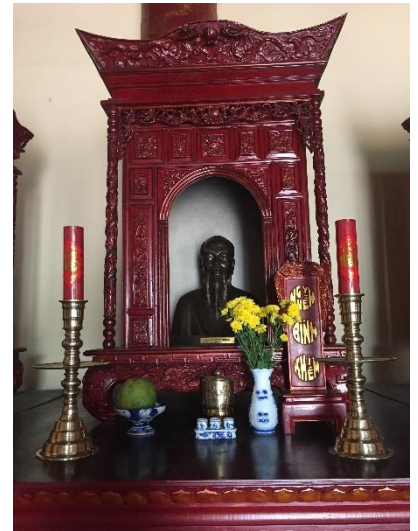
còn nhiều ý kiến trong việc bố trí đôi tượng thờ trong Văn miếu Trấn Biên nhưng nhìn ở góc độ hiện tại, sự “cách tân” về các đôi tượng được phối thờ hiện nay thể hiện một sự tiếp nối mạch nguồn xuyên suốt lịch sử văn hoá của dân tộc.



*Chu Văn An (1292 - 1370)*



*Nguyễn Trãi (1380 - 1442)*



*Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1585)*



*Lê Quý Đôn (1724 - 1784)*



*Nguyễn Du (1765 - 1820)*

Bên cạnh các đôi tượng thờ này, trong Nhà Bái đường còn có những hiện vật thể hiện những giá trị có tính chất nối tiếp mạch nguồn của dân tộc kể từ khi Văn miếu Trấn Biên được tái tạo: Đó là tủ thờ 18 kg đất và 18 lít nước mang về từ đền Hùng (hiện vật do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ tặng năm 2002 nhân dịp khánh thành công trình phục dựng Văn miếu Trấn Biên), biểu trưng cho 18 đời vua Hùng, cội nguồn của dân tộc Việt, Văn bia Tiến sĩ khoa thi 1442 (phục chế) và Trống hội Thăng Long (hiện vật do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội



tặng năm 2002 nhân dịp khánh thành công trình phục dựng Văn miếu Trấn Biên).



*18 kg đất và 18 lít nước mang về từ đền Hùng*



*Bia Tiên sĩ*



*Trống hội Thăng Long*

Phía trước hai bên nhà thờ chính: Là **Nhà Văn Vật Khố** (nơi trưng bày 4 làng nghề truyền thống của Biên Hòa – Đồng Nai: nghề đồng, nghề mộc, nghề đá, nghề gốm. Cân đối hài hòa với Nhà Văn vật khố là **Nhà Thư Khố** - nơi trưng bày các thư tịch cổ, các tài liệu, sách báo... viết về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa và nay.



*Tác giả đứng trước nhà Văn Vật Khố và Thư Khố*

Ngoài ra, nơi Văn miếu Trấn Biên còn có khu sinh hoạt truyền thống gồm có nhà truyền thống không những là nơi tổ chức các buổi họp mặt, tọa đàm giới thiệu và tìm hiểu về lịch sử, văn hóa, con người vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai và các hoạt động sinh hoạt văn hóa khác mà còn là nơi trưng bày triển lãm tranh ảnh, tư liệu về Văn Miếu Trấn Biên.



*Tác giả đứng trước nhà*

Ngày 18 tháng 8 năm 2016 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có quyết định về việc xếp hạng cấp Quốc gia di tích lịch sử Văn miếu Trấn Biên (phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai). Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm phát huy những giá trị văn hóa, khẳng định vị thế của Văn miếu Trấn Biên trong đời sống tinh thần của người dân Đồng Nai và vùng đất Nam bộ.



*Văn miếu Trấn Biên được công nhận là di tích quốc gia.*

Nằm ở phía trước Văn miếu Trấn Biên là công trình “Vườn tượng Danh nhân văn hóa”. Công trình “Vườn tượng Danh nhân văn hóa” bắt đầu triển khai thực hiện từ tháng 4/2014, với ý nghĩa nhằm khẳng định các giá trị cội nguồn của dân tộc, tiếp nối mạch nguồn văn hóa truyền thống Thăng Long – Hà Nội và Văn miếu Trấn Biên – Đồng Nai; khuyến khích tinh thần trọng học, trọng nhân tài của cha ông ta. Và đây cũng là một trong những công trình trọng điểm chào mừng Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ X (nhiệm kỳ 2015-2020) của tỉnh. Công trình bao gồm tượng 13 vị danh nhân văn hóa của dân tộc Việt Nam, trong đó có 12 vị đang được thờ tại Nhà Bái đường của Văn miếu Trấn Biên và Tượng Vua Lý Thái Tổ (974-1028) – vị vua đầu tiên

sáng lập Nhà Lý, người có công dời kinh đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, đặt mốc son cho lịch sử hơn 1000 năm Thăng Long – Hà Nội.



*Cắt băng khánh thành Vườn tượng danh nhân văn hóa*

## **2. Các hoạt động văn hóa**

Văn miếu Trấn Biên là nơi bảo tồn, gìn giữ và tôn vinh các giá trị văn hóa giáo dục xưa và nay của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai và Miền Đông Nam Bộ; đồng thời là một thiết chế văn hóa, du lịch gắn với khu danh thắng Bửu Long được công nhận là di tích quốc gia.

Văn Miếu Trấn Biên là nơi thường xuyên diễn ra nhiều hoạt động văn hóa như Tết thầy vào mừng 3 Tết, lễ báo công trên các lĩnh vực mà Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đạt được, nhất là trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục được tổ chức trang trọng và trở thành truyền thống đẹp của miền đất Trấn Biên - Đồng Nai.



*Lãnh đạo tỉnh dâng hương tại Văn miếu Trần Biên*

Không riêng của Biên Hòa - Đồng Nai, các thế hệ người dân Đông Nam bộ, du khách trong và ngoài nước lại cùng nhau đến Văn miếu Trần Biên dâng hương, bày tỏ lòng biết ơn đối với những người có công khai phá và phát triển văn hóa vùng đất Nam bộ.



*Thầy và trò Trường THCS Bùi Hữu Nghĩa (huyện Trảng Bom) tham quan tượng Bùi Hữu Nghĩa nằm trong vườn tượng Danh nhân văn hóa Trần Biên, ôn lại thân thế, cuộc đời và sự nghiệp của ông.*

Bên cạnh những hoạt động bày tỏ lòng biết ơn đối với các bậc hiền nhân, Văn miếu Trấn Biên còn là địa điểm văn hóa du lịch có ý nghĩa của tỉnh và cả khu vực miền Đông Nam bộ... Hội hoa xuân Trấn Biên hằng năm đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của đông đảo nhân dân mỗi dịp Tết đến Xuân về. Trung tâm Văn miếu Trấn Biên cũng thường xuyên tổ chức các buổi triển lãm, Chợ phiên Sinh vật cảnh...



*Triển lãm “Chủ tịch Hồ Chí Minh - Thân thế, cuộc đời và sự nghiệp cách mạng”*





**NHỮNG GIẢI PHÁP THIẾT THỰC VỀ HOẠT ĐỘNG PHÁT HUY  
DI TÍCH NÀY NHÂN DỊP KỶ NIỆM 320 NĂM HÌNH THÀNH, PHÁT  
TRIỂN VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI (1698-2018)**

Khi tham quan, tìm hiểu về Văn miếu Trấn Biên, tôi rất ấn tượng với vẻ đẹp kiến trúc nơi đây, nhưng vì tác động của thời gian, khí hậu và thời tiết nên một số công trình của Văn miếu ngày nay đã bị xuống cấp. Mái ngói màu xanh ngọc nay đã xuống màu, nhiều trần nhà trong văn miếu đã bị thấm nước xuất hiện vết ố vàng, bị ngả màu, có những vết rạn nứt chân chim... Để khắc phục tình trạng xuống cấp hiện nay, Ban quản lý cần phối hợp với cơ quan nhà nước đề ra kế hoạch trùng tu, tôn tạo. Theo đó, nên tiến hành thay mới những khung gỗ bị mối mọt xâm hại, sơn phết lại Văn miếu, lợp lại mái ngói...



*Trần nhà Khuê Văn Các bị thấm nước*

Bên cạnh các hoạt động văn hóa như Tết thầy vào mùa 3 Tết, lễ báo công cần tổ chức thêm các buổi triển lãm chuyên đề như văn hóa các dân tộc, các làng nghề truyền thống của Đồng Nai nhằm giới thiệu những nét đặc trưng của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai giàu truyền thống lịch sử. Tôi cũng kiến nghị

Trung tâm Văn miếu tổ chức các hoạt động nghệ thuật văn hóa của các dân tộc ở Đồng Nai.

Lối vào của Văn miếu nên bố trí bản đồ toàn bộ khu di tích bằng 2 ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh (ngôn ngữ giao tiếp thông dụng nhất hiện nay) để du khách tự do trong nước và ngoài nước có thể thuận tiện tham quan. Hiện nay, bảng nội quy tham quan Văn miếu Trấn Biên chỉ được viết bằng ngôn ngữ tiếng Việt, tôi kiến nghị trung tâm Văn miếu nên bổ sung thêm ngôn ngữ Tiếng Anh để khách du lịch nước ngoài có thể hiểu được nội quy khi tham quan Văn miếu.



*Bảng nội quy của Văn Miếu Trấn Biên*

## **MỤC LỤC**

### **KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI TỪ NĂM 1698 ĐẾN KHI HÌNH THÀNH TỈNH ĐỒNG NAI HIỆN NAY**

|   |    |
|---|----|
| 1. Trước năm 1698.....                                | 1  |
| 2. Thời các chúa Nguyễn (1698 - 1802) .....           | 1  |
| 3. Thời các vua Nguyễn (1802 - 1861).....             | 2  |
| 4. Thời kỳ thuộc Pháp (1861 - 1945).....              | 5  |
| 5. Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) ..... | 7  |
| 6. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975).....    | 9  |
| 7. Thời kỳ thống nhất đất nước (1975 - nay).....      | 12 |

### **NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC Ở ĐỒNG NAI.**

|  |    |
|--|----|
| 1. Các dân tộc bản địa.....  | 16 |
| 2. Văn hóa các dân tộc bản địa .....   | 2  |
| 3. Tiến trình nhập cư của cộng đồng người Việt, Hoa và các dân tộc<br>khác ..... | 5  |
| 4. Đời sống văn hóa của người Hoa.....   | 6  |

### **NHỮNG HIỂU BIẾT VÀ CẢM NHẬN VỀ DI TÍCH VĂN MIẾU TRẦN BIÊN<sup>2</sup>**

|   |    |
|---|----|
| 1. Kiến trúc của Văn miếu Trần Biên ..... | 2  |
| 2. Các hoạt động văn hóa.....             | 13 |

### **NHỮNG GIẢI PHÁP THIẾT THỰC VỀ HOẠT ĐỘNG PHÁT HUY DI TÍCH NÀY NHÂN DỊP KỶ NIỆM 320 NĂM HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT BIÊN HÒA – ĐỒNG NAI (1698-2018) .....**

15